

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PHỦ LÝ
TỈNH HÀ NAM

Bản án số: 07/2024/HNGĐ-ST
Ngày 31 - 01 - 2024
V/v: “Không công nhận
quan hệ vợ chồng”.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHỦ LÝ - TỈNH HÀ NAM

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Kim Ngân.
- **Các Hội thẩm nhân dân:** Bà Nguyễn Thị Chương và bà Nguyễn Thị Phương.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Trang - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý tham gia phiên tòa: Ông Trương Hoàng Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 62/2024/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2023, về tranh chấp “Không công nhận quan hệ vợ chồng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1946.

2/ Bị đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1960.

Cùng ở địa chỉ: Tổ dân phố Q, phường L, thành phố P, tỉnh Hà Nam.
(Phiên tòa có mặt ông Đ; vắng mặt bà T xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 28/9/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án, nguyên đơn ông Nguyễn Văn Đ trình bày:

Ông và bà Nguyễn Thị T tự nguyện tìm hiểu nhau, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục, tập quán của địa phương. Ông bà về chung sống với nhau từ năm 1989 tại tổ dân phố Q, phường L, thành phố P, tỉnh Hà Nam đến nay nhưng không có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống, cuộc sống của ông bà không có hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông bà không có sự tôn trọng nhau, bà T không vun vén hạnh phúc gia đình, thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, cãi chửi nhau; mặc dù đã được chính quyền địa phương cùng các con, cháu hòa giải nhưng không thành. Nay ông xác định mâu thuẫn giữa ông và bà T đã trầm trọng, tình cảm dành cho nhau không còn nên ông đề nghị Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông và bà Nguyễn Thị T.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 04/01/2024, bị đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

Bà và ông Nguyễn Văn Đ tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1989 đến nay, không có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống ông bà thường xuyên

xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, mâu thuẫn căng thẳng nhất từ năm 2019 đến nay. Nguyên nhân do bất đồng về quan điểm sống, giữa hai bên không có sự chia sẻ, động viên nhau; ông Đ gia trưởng, không tôn trọng bà; mặc dù sống cùng nhà nhưng ông bà đã sống ly thân nhau từ năm 2019 đến nay. Nay bà xác định tình cảm không còn, ông Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án không công nhận ông bà là vợ chồng, bà hoàn toàn nhất trí.

Về con chung: Ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị T thống nhất vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Thị M, sinh năm 1990 và Nguyễn Thị N, sinh năm 1993. Các con chung đã trưởng thành, trên 18 tuổi, có gia đình riêng nên ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Con nuôi, con riêng: Ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hiện bà T không có thai sản gì.

Về tài sản riêng, tài sản chung, công nợ chung: Ông Đ và bà T đều xác định không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn Đ giữ nguyên quan điểm như đã trình bày, không thay đổi, bổ sung gì thêm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam phát biểu ý kiến:

+ Về việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (viết tắt là HĐXX), Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến thời điểm HĐXX nghị án: Không vi phạm; Đối với người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã chấp hành và thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật; bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 28, 35, 39, 68, 144, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 9, 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Đ. Xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị T.

Về án phí: Ông Đ không phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện của ông Nguyễn Văn Đ có đủ cơ sở xác định quan hệ tranh chấp là “Không công nhận quan hệ vợ chồng” theo quy định tại khoản 7 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn bà Nguyễn Thị T có nơi cư trú tại tổ dân phố Q, phường L, thành phố P, tỉnh Hà Nam nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

[2] Về xét xử vắng mặt của đương sự: Bị đơn bà Nguyễn Thị T vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có quan điểm đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do đó, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự

[3] Về nội dung: Xét về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị T chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện từ năm 1989 đến nay nhưng không thực hiện việc đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa ông Đ và bà T là không hợp pháp, không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

Trong quá trình chung sống giữa ông Đ và bà T xảy ra mâu thuẫn, cãi vã do bất đồng quan điểm sống, hai bên không có sự tôn trọng, quan tâm, chia sẻ với nhau. Ông Đ và bà T đều xác định tình cảm không còn, đề nghị Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông bà. Xét thấy, việc ông bà chung sống với nhau từ năm 1989 đến nay và ông Đ, bà T không đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền là có thật. Trong thời gian chung sống ông bà thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, ông bà đã sống ly thân từ năm 2019 đến nay, không quan tâm đến nhau thể hiện mâu thuẫn của ông bà đã trầm trọng, tình cảm dành cho nhau không còn, đời sống chung không thể kéo dài. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đ, tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Đ và bà T là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 9 và khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Ông Đ và bà T thống nhất có 02 con chung là Nguyễn Thị M, sinh năm 1990 và Nguyễn Thị N, sinh năm 1993. Các con chung đều đã trưởng thành, có gia đình riêng, ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

Con nuôi, con riêng: Ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hiện bà T không có thai sản gì.

[5] Về tài sản riêng, tài sản chung, công nợ chung: Ông Đ, bà T không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[6] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Ông Đ phải chịu theo quy định của pháp luật. Do ông Đ là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên HĐXX miễn án phí cho ông Đ theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự thực hiện theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, các Điều 227, 228, 266, 271, 273, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Căn cứ khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban

thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1/ Xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị T.

2/ Về án phí ly hôn sơ thẩm: Miễn án phí ly hôn sơ thẩm cho ông Nguyễn Văn Đ.

Án xử công khai, ông Nguyễn Văn Đ có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Nguyễn Thị T vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND thành phố Phủ Lý;
- Chi cục THADS thành phố Phủ Lý;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Kim Ngân